

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MINH LONG
TỈNH QUẢNG NGÃI
 Bản án số: 01/2019/DS-ST
 Ngày: 30 / 7 / 2019
 V/v: Tranh chấp hợp đồng dân sự
 vay tài sản.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH LONG, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Rô

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Minh Chí

Bà Lê Thị Kim Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Liên, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Minh Long, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Minh Long, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Đinh Y Lúa - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Minh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2019/TLST- DS ngày 05 tháng 4 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST- DS, ngày 24 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị N, sinh năm 1966

Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Anh Võ Thanh M, sinh năm 1978

Chị Võ Thị L, sinh năm 1982

Cùng địa chỉ: Thôn S, xã L, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 05/4/2019, tại bản tự khai ngày 11/4/2019, tại phiên hòa giải ngày 21/5/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị N trình bày:*

Ngày 18/9/2018, vợ chồng anh Võ Thanh M, chị Võ Thị L có viết giấy mượn bà Lê Thị N số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), hẹn đến tháng 12/2018 sẽ trả xong cho bà N số tiền trên, nhưng đến hạn vợ chồng anh M, chị L không trả mặc

dù bà N đã hỏi nợ nhiều lần. Nay bà N yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng anh M, chị L phải trả cho bà N số tiền 100.000.000 đồng, bà N không yêu cầu trả lãi.

** Tại biên bản tự khai ngày 12/4/2019, tại phiên hòa giải ngày 21/5/2019, bị đơn anh Võ Thanh M, chị Võ Thị L trình bày:*

Anh M, chị L công nhận những lời trình bày của bà N là đúng, anh M, chị L thừa nhận hiện còn nợ bà N số tiền 100.000.000 đồng, nhưng do nuôi heo bị bệnh dịch chết và hiện tại làm ăn quá khó khăn nên vợ chồng anh M, chị L chưa thể trả được cho bà N. Anh M, chị L chỉ đồng ý trả nợ cho bà N mỗi tháng 4.000.000 đồng.

** Ý kiến của Đại diện của Viện kiểm sát:*

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát huyện Minh Long phát biểu ý kiến về việc trình tự thủ tục tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định tại các điều 26, 35, 39, 48, 68, khoản 1 Điều 203, khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Đối với người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn đã thực hiện đúng các điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của pháp luật (không có mặt tại phiên tòa, anh M không tham gia phiên hòa giải).

- Về nội dung: Căn cứ Điều 466 Bộ luật dân sự 2015, chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị N, buộc anh Võ Thanh M, chị Võ Thị L trả cho bà N số tiền gốc 100.000.000 đồng; Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, ông Võ Thanh M, bà Võ Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại thời điểm bà Lê Thị N khởi kiện yêu cầu anh Võ Thanh M, chị Võ Thị L trả nợ theo hợp đồng vay tài sản thì anh M, chị L đang cư trú tại thôn S, xã L, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Minh Long thụ lý vụ án “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị N là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bị đơn anh Võ Thanh M, chị Võ Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Trong đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Lê Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Võ Thanh M, chị Võ Thị L phải trả cho bà N số tiền là 100.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Anh Võ Thanh M, chị Võ Thị L thừa nhận còn nợ bà N số tiền trên, tuy nhiên anh M, chị L chỉ đồng ý trả cho bà N mỗi tháng 4.000.000 đồng, không đồng ý trả một lượt 100.000.000 đồng như bà N yêu cầu.

[2.2] Căn cứ lời khai của nguyên đơn bà Lê Thị N và bị đơn anh Võ Thanh M, bà Võ Thị L và các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, có căn cứ xác định: Vào ngày 18/9/2018, vợ chồng anh M, chị L có vay của bà N số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) và hẹn đến tháng 12/2018 sẽ trả xong cho bà N số tiền trên; bị đơn anh Võ Thanh M, chị Võ Thị L thừa nhận còn nợ bà N số tiền trên. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh. Do đó, bà Lê Thị N khởi kiện yêu cầu anh Võ Thanh M, chị Võ Thị L phải trả cho bà 100.000.000đồng tiền nợ gốc là có căn cứ, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Đối với ý kiến của anh Võ Thanh M, chị Võ Thị L chỉ đồng ý trả cho bà Lê Thị N hàng tháng 4.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong giấy mượn tiền ngày 18/9/2018 thể hiện ông M, bà L cam đoan có nghĩa vụ trả nợ đến hết tháng 12/2018, không có thỏa thuận nào khác thể hiện anh M, chị L có thỏa thuận với bà N là kéo dài thời gian trả nợ và trả dần mỗi tháng 4.000.000 đồng, nên ý kiến của anh M, chị L yêu cầu được trả nợ cho bà N mỗi tháng 4.000.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên anh Võ Thanh M, chị Võ Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là: 100.000.000đồng x 5% = 5.000.000 đồng.

Bà Lê Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Lê Thị N số tiền 2.500.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2010/02939 ngày 05 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Long.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các điều 144, 147, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật dân sự

năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị N.
2. Buộc anh Võ Thanh M, chị Võ Thị L phải trả cho bà Lê Thị N 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

3. Về án phí:

Anh Võ Thanh M, chị Võ Thị L phải chịu 5.000.000đ (năm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Lê Thị N số tiền 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà Nghĩa đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2010/02939 ngày 05 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Long.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Minh Long;
- Chi Cục THADS huyện Minh Long;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Văn Rô

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Minh Long;
- = Chi cục THADS huyện Minh Long;
- UBND xã Long Mai;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Người bảo vệ QLIHPCĐS;
- Lưu (hồ sơ; án văn).

Phạm Kim Vân

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Trung

Đinh Văn Nghênh

Phạm Kim Vân